TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HS-ST
Ngày: 26 - 9 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Khanh**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Đức Cường**.

Nghề nghiệp: Giáo viên trường THCS thị trấn Đoan Hùng, huyện Đoan Hùng.

2. Ông **Nguyễn Trí Dũng**

Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu huyện Đoan Hùng.

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Hà Thị Tuyết Mai** - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Minh Huệ** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 9 năm 2022, đối với bị cáo: **Nguyễn Văn N**; Sinh ngày: 18/9/2003, tại huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu 3, xã T, huyện Đ, Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông: Nguyễn Đồng V, sinh năm 1967; Con bà: Nguyễn Thị Hương L sinh năm 1982; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/7/2022. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

**Người bị hại:* Cháu Tăng Thị Thu L, sinh ngày 07/6/2008;

Địa chỉ: khu 7, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

+ Người giám hộ đại diện hợp pháp cho bị hại: Ông Tăng Huy Tiệp, sinh năm 1982.

Địa chỉ: khu 7, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyễn Văn N, sinh ngày 18/9/2003 ở khu 3, xã T, huyện Đ quen biết cháu Tăng Thị Thu L, sinh ngày 07/6/2008, ở khu 7, xã T, huyện Đ, đang là học sinh lớp 8, Trường phổ thông cơ sở xã T từ khoảng tháng 10/2021. Sau đó, N và cháu L thường xuyên sử dụng mạng xã hội Facebook nhắn tin, gọi điện nói chuyện với nhau. Khoảng tháng 3/2022, N và cháu L nảy sinh tình cảm yêu đương. Tháng 4/2022, N và cháu L đã hai lần thực hiện hành vi giao cấu với nhau tại nhà của N ở khu 3, xã T, huyện Đ, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 13 giờ ngày 10/4/2022, cháu L điều khiển xe đạp điện đến nhà ở của N. Lúc này, chỉ có một mình N ở nhà. N và cháu L đi vào phòng ngủ của N, nằm trên đệm mút, vải bọc ngoài màu đỏ có in hình bông hoa màu tím, vàng đặt trực tiếp

trên nền bê tông phòng ngủ, nói chuyện khoảng 30 phút. Sau đó, N tự cởi quần đang mặc trên người của mình ra hết khỏi người, cởi quần của cháu L đang mặc trên người ra hết khỏi người cháu L. Cháu L vẫn mặc áo, nằm ngửa trên đệm mút. N mặc áo, nằm bên cạnh luồn tay vào trong áo của cháu L, sờ nắn vú của cháu L rồi đưa tay xuống dưới sờ nắn vùng âm đạo của cháu L. Khi thấy vùng âm đạo của cháu L sau đó nằm đè lên người cháu L đưa dương vật đang cương cứng của mình vào trong âm đạo của cháu L, hai tay chống xuống mặt đệm mút thực hiện đông tác đẩy vùng mông của mình lên xuống để dương vật của mình rút ra đẩy vào trong âm đạo của cháu L nhiều lần đến khi xuất tinh vào trong âm đạo của cháu L xong thì rút dương vật của ra khỏi âm đạo của cháu L. N và cháu L tự mặc quần của mình vào người rồi tiếp tục nằm trên đệm nói chuyện khoảng 30 phút thì cháu L điều khiển xe đạp điện của mình rời khỏi nhà N đi về nhà..

Lần thứ 2: khoảng 13h00’ ngày 19/4/2022, cháu L điều khiển xe đạp điện của mình, đi một mình đến nhà ở của N, tại khu 3, xã T, huyện Đ. Lúc này, tại nhà ở của N chỉ có N và cháu L. N và cháu L đi vào phòng ngủ của N, nằm trên đệm mút, vải bọc ngoài màu đỏ có in hình bông hoa màu tím, vàng đặt trực tiếp trên nền bê tông phòng ngủ của N, nói chuyện khoảng 30 phút. Sau đó, chảu Liên hỏi N: “ Thịt nhau không?”. N không nói gì, tự cởi quần đang mặc trên người của mình ra hết khỏi người, cháu L tự cởi quần của mình đang mặc trên người kéo tụt xuống đến đầu gối. N tiếp tục kéo tụt hết quần của cháu L ra hết khỏi người cháu L. Sau đó, N thực hiện hành vi giao cấu với cháu L. Diễn biến hành vi giao cấu của N đối với cháu L giống như lần thứ nhất, đã nêu tại phần trên. Sau khi N xuất tinh vào trong âm đạo của cháu L xong thì rút dương vật của mình ra khỏi âm đạo của cháu L. N và cháu L tự mặc quần của mình vào người rồi tiếp tục nằm trên đệm nói chuyện khoảng 30 phút thì cháu L điều khiển xe đạp điện của mình rời khỏi nhà N đi về nhà ở của Mình.

Đến cuối tháng 4/2022, cháu L nói với bố đẻ là anh Tăng Huy T, sinh năm 1982, HKTT: khu 7, xã T việc cháu L không muốn đi học nữa. Anh T nhiều lần động viên cháu L đi học nhưng cháu L không đi học. Đầu tháng 5/2022, anh T đưa cháu L đến ở tại nhà em gái của mình là chị Tăng Thị V, sinh năm 1986, HKTT: số 335, đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, nhờ chị V động viên cháu L đi học. Cháu L ở nhà chị V được khoảng 10 ngày, chị V theo dõi thấy cháu L có biểu hiện sức khỏe, tâm lý không bình thường. Chị V nghi ngờ cháu L có thai, đi mua que thử thai về cho cháu L kiểm tra thì phát hiện cháu L có thai. Chị V đưa cháu L về nhà, đến phòng khám Đồng Phúc tại khu Đồng Tâm, thị trấn Đoan Hùng khám, kết quả xác định cháu L có thai, chuẩn đoán thai 04 tuần, 04 ngày. Gia đình cháu L nhiều lần hỏi thì cháu L nói có 02 (Hai) lần thực hiện hành vi giao cấu với N như đã nêu tại phần trên. Sau đó, ông ngoại của cháu L là ông Bùi Xuân H, sinh năm 1960, HKTT: khu N, xã C, huyện Đ đến nhà ở của N gặp bố mẹ đẻ của N là ông Nguyễn Đồng V, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Hương L, sinh năm 1982, đều có HKTT: khu 3, xã T, thông báo việc N có hành vi giao cấu với cháu L và yêu cầu gia đình N đến gặp gia đình cháu L để giải quyết. Tối cùng ngày, ông V, bà L cùng N đến nhà cháu L gặp anh T, xin đưa cháu L về chung sống cùng N, để cháu L mang thai rồi sinh con, khi nào cháu L đủ tuổi kết hôn thì cho cháu L và N đi đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, gia đình cháu L không nhất trí, yêu cầu đưa cháu L đi phá thai tại TP. Hà Nội. Hai bên gia đình

không thống nhất quan điểm giải quyết. Ngày 16/5/2022, gia đình cháu L đưa cháu L đến Bệnh viện sản nhi tỉnh Phú Thọ tiến hành phẫu thuật đình chỉ thai (phá thai). Sau đó, cháu L được gia đình đưa đến ở tại nhà chị V tại TP. Hà Nội, không cho cháu L gặp gỡ, liên lạc với N. Tuy nhiên, N thường xuyên sử dụng mạng xã hội Facebook nhắn tin, gọi điện nói chuyện với cháu L rồi đến TP. Hà Nội tìm gặp cháu L. Khi chị V biết, nhắn tin bảo N không liên lạc với cháu L nữa thì N nhắn tin thách thức chị V. Do đó, ngày 23/6/2022, chị V và anh T đến Công an xã T Tố giác N có 02 (Hai) lần giao cấu với cháu L như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 40/CT - VKSĐH ngày 08/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo: Nguyễn Văn N về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" theo quy định tại điểm a, điểm d, khoản 2, Điều 145 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi".

Áp dụng: Điểm a điểm d khoản 2 Điều 145, Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N từ 42 đến 48 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt là ngày 11/7/2022.

Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 145 của Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có chức vụ, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Bị hại không có yêu cầu gì đối với bị cáo, nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch Thu tiêu hủy: 01 đệm mút dạng đệm ba cục có kích thước: 1,5 mét x 1,93 mét x 08 cm, vải bọc ngoài màu đỏ có in hình bông hoa màu tím, vàng. Là vật chứng của vụ án, liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điểm a Khoản 1 Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là phù hợp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai của bị hại, kết quả giám định, vật chứng cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy có đủ cơ sở khẳng định: Trong hai ngày 10/4/2022 và ngày 19/4/2022, tại nhà của bị cáo N, ở khu 3, xã T, huyện Đ. Bị cáo Nguyễn Văn N đã hai lần thực hiện hành vi giao cấu với cháu Tăng Thị Thu L, sinh ngày 07/6/2008, dẫn đến cháu Tăng Thị Thu L có thai. Thời điểm thực hiện hành vi giao cấu, cháu Tăng Thị Thu L trên 13 tuổi, chưa đủ 16 tuổi, do vậy bị cáo N đã phạm vào tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi", theo quy định tại Điểm a, d, khoản 2, Điều 145 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" theo quy định tại điểm a, điểm d, khoản 2, Điều 145 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 145 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm,

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm

a. Phạm tội 02 lần trở lên

……

d. Làm nạn nhân có thai".

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo: Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng có khung hình phạt từ 03 năm đến 10 năm tù.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, đại diện hợp pháp cho bị hại tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Nên có thể xem xét cho bị cáo mức hình phạt từ 42 đến 48 tháng tù như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4, Điều 145 của Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm

công việc nhất định. Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có chức vụ, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 đệm mút dạng đệm ba cục có kích thước: 1,5 mét x 1,93 mét x 08 cm, vải bọc ngoài màu đỏ có in hình bông hoa màu tím, vàng. Là vật chứng của vụ án, liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, không còn giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng đối với bị cáo là phù hợp cần chấp nhận.

[9] Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a, điểm d, khoản 2, Điều 145, Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi".

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 48 (Bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 11/7/2022.

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Bị hại không có yêu cầu gì đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch Thu tiêu hủy: 01 đệm mút dạng đệm ba cục có kích thước: 1,5 mét x 1,93 mét x 08 cm, vải bọc ngoài màu đỏ có in hình bông hoa màu tím, vàng. (Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 09/9/2022, Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng).

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;*
- *VKS ND tỉnh Phú Thọ;*
- *VKS ND huyện Đoan Hùng;*
- *Trại giam;*
- *Công an huyện Đoan Hùng;*
- *Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;*
- *Bị cáo;*
- *Người bị hại;*
- *Lưu HSVA; VP*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khanh